

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày: 22 – 5 – 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu;

Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Hồng Đ, sinh ngày 15/12/1968

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh ngày 10/10/1968, theo Giấy ủy quyền ngày 06/12/2023

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ1

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 02/12/2023, Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 24/4/2021 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án.

-Nguyên đơn bà Tạ Thị Hồng Đ trình bày:

Nguyên bà làm chủ hụi, ông Nguyễn Văn Đ1 là hụi viên, sau khi ông Đ1 hốt hụi, không đóng lại hụi chết cho bà, cụ thể như sau:

Vào đầu năm 2009, ông Nguyễn Văn Đ1 có đến nhờ vợ chồng bà đứng tên một dây hụi mùa (03 tháng khui 01 lần), trị giá 02 triệu đồng để cố đất và mở tiệm tạp hóa, mua bán tại điểm trường học Ấp B. Bà vận động được 22 phần, trong đó ông Đ1 hốt đầu, bà đến giao tiền hụi với tổng số tiền là 24.400.000 đồng và thời gian được tính kể từ ngày 29/9/2009 âm lịch. Như vậy, sau 03 tháng ông Đ1 phải đóng trả lại 02 triệu đồng và bằng 21 phần hụi chết, vì ông hốt đầu. Ông Đ1 trả được 15 lần bằng 30.000.000 đồng, thì không đóng nữa, đến lần thứ 17 thì vợ ông Đ1 có gửi về 01 triệu đồng và kể từ đây, ông Đ1 không tham gia trả hụi cho đến khi mãn dây hụi vào ngày 29/11/2013 âm lịch. Cộng chung tổng số tiền hụi ông Đ1 đã trả cho bà 31.000.000 đồng, nhưng số tiền ông Đ1 phải trả lại cho bà là 42.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền hụi ông Đ1 còn nợ lại bà là 11.000.000 đồng, bà có đến gặp nhiều lần nhưng, ông Đ1 chỉ hứa mà không thực hành, nên bà có đề nghị Tổ hòa giải Ấp B xem xét giải quyết. Vào ngày 24/4/2021, Tổ hòa giải Ấp B đưa ra giải quyết, ông Đ1 hứa cuối năm 2021 sẽ trả cho bà 6.000.000 đồng, số còn lại sang năm 2022 mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ, phiên hòa giải thành, nhưng ông Đ1 không thực hiện, dù Tổ hòa giải Ấp B có đến nhắc nhở.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ1 có trách nhiệm trả lại tổng số tiền hụi chết còn thiếu là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 29/11/2013 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Hồng Đ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, theo dây hụi mùa mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch

đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Căn cứ vào danh sách hội viên và các biên nhận tiền mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội 11.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra; theo Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 24/4/2021, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền hội này. Cho nên, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật này quy định: *“Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 92 và 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 11.000.000 đồng. Đồng thời buộc bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả như sau:

- Thời gian tính lãi từ ngày 29/11/2013 âm lịch (nhằm ngày 31/12/2013 dương lịch) đến ngày 22/5/2024 dương lịch là 10 năm 04 tháng 21 ngày; mức lãi suất 10/năm (thành tiền:

$$11.000.000 \text{ đồng} \times 124,7 \text{ tháng} \times 0,83/\text{tháng} = 11.385.110 \text{ đồng.}$$

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là $22.385.110 \text{ đồng} \times 5\% = 1.119.255 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, các điều 91, 92, và 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Hồng Đ, buộc ông Nguyễn Văn Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền nợ hội là 22.385.110 (trong đó nợ 11.000.000 đồng, lãi 11.385.110 đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đ1 phải chịu 1.119.255 đồng; Bà Đ không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001058, ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng